TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DSST.
Ngày: 15/11/2019.
V/v: "Tranh chấp về di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy Phượng**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Cil Pam Ha Lan**
2. Ông **Âu Văn Nghị**.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông **Bùi Ngọc Chiến**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tuyền -** Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp về di sản thừa kế*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXX ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Vợ chồng ông **Lý C**; Sinh năm 1957
Bà **Sùng Ch**; Sinh năm: 1958
Trú tại: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lý V**; Sinh năm: 1978
Địa chỉ: Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
(Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018)
Ông C, bà Ch, ông V có mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn**: Bà **Sùng D**; Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Người phiên dịch: Ông **Sùng Tr**; Sinh năm: 1974
Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Bà D và ông Tr có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Ông **Lý P**; Sinh năm: 1965
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
2. Ông **Hoàng D**; Sinh năm: 1969
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
3. Ông **Lý V**; Sinh năm: 1969
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
4. Ông **Lý S**; Sinh năm: 1965
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
5. Ông **Lý H**; Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Có mặt tại phiên tòa.
6. Ông **Hầu P**; Sinh năm: 1972
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
7. Ông **Giàng A (Giàng Đ)**; Sinh năm: 1979
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
8. Ông **Giàng L**. Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
9. Ông **Nguyễn H**. Sinh năm: 1964
Địa chỉ: P 2, TX. L, tỉnh Bình Phước.
Vắng mặt tại phiên tòa.
10. Cháu **Lý Ph**. Sinh ngày 22/3/2002
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.
11. Cháu **Lý D**, sinh ngày 26/4/2004
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.
12. Cháu **Lý T**, sinh ngày 12/7/2007
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.
13. Cháu **Lý V**, Sinh ngày 01/3/2009
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ng.
Vắng mặt tại phiên tòa.
14. Cháu **Lý Th**, sinh ngày 18/7/2011
Địa chỉ: Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Vắng mặt tại phiên tòa.

Người giám hộ cho các cháu P,V,D,T,Th là bà Sùng D (mẹ đẻ) có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn ông Lý C, bà Sùng Ch và người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà Ch - ông Lý V trình bày thì:

Ông bà là Lý C, Sùng Ch có con trai là Lý S. Lý S và Sùng D chung sống với nhau vào năm 2002 và có với nhau 05 người con chung là các cháu Lý P, Lý D, Lý T, Lý V và Lý Th. Vào ngày 28/01/2017 thì Lý S chết. Sau khi S chết thì vợ S là bà Sùng D có quan hệ bất chính với người đàn ông khác là Giàng L, không những thế mà còn đưa ông L về nhà ở. Sau khi biết chuyện, gia đình có đến khuyên bảo, yêu cầu bà D chấm dứt chuyện tình cảm tập trung giành thời gian để chăm sóc con cái nhưng bà D không nghe mà còn có ý định bán tài sản chung của vợ chồng S và D để đưa đến chỗ khác sinh sống. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của ông bà và các con của S, ông bà yêu cầu Tòa án xem xét, phân chia di sản của Lý S để lại, trong khối tài sản chung của vợ chồng S và D gồm:

- 01 lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã D, huyện Đ (Khu vực chưa có bản đồ địa chính). Hiện trạng đất trồng cà phê kinh doanh.

- 01 lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2, hiện trạng trồng lúa nước thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã Rô Men tọa lạc tại Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- 01 lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10,21 tờ bản đồ số 40 xã R tọa lạc tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng đất trồng cà phê, trong đó diện tích 6.239m^2 thuộc thửa đất số 10 và 162m^2 thuộc thửa đất số 21 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873441, AL 873440 cùng ngày 22/5/2008 đứng tên hộ ông Lý S, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông bà cũng như các con chung của ông S, bà D. Ông Lý C, bà Sùng Ch yêu cầu Tòa án chia di sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật cho Sùng D, vợ chồng ông C, bà Ch và các cháu P,D,T,V,Th.

Hiện nay ông bà tuổi đã cao, sức yếu và không có nhu cầu canh tác, sử dụng diện tích đất là di sản mà con trai là ông Lý S để lại do đó ông bà yêu cầu được nhận di sản bằng giá trị thành tiền. Ngoài ra, ông bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của bị đơn bà Sùng D trình bày thì:

Bà và ông Lý S chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, có sự chứng kiến của hai bên họ hàng nhưng do điều kiện khó khăn nên không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì bà và ông S có 05 người con là cháu Lý P, sinh ngày 22/3/2002; cháu Lý D, sinh ngày 26/4/2004; cháu Lý T, sinh ngày 12/7/2007; cháu Lý V, Sinh ngày 01/3/2009; cháu Lý Th, sinh ngày 18/7/2011.

Đến ngày 28/01/2017 thì ông Lý S chết, nay bố mẹ ông S là ông Lý C, bà Sùng Ch yêu cầu Tòa án phân chia di sản của chồng bà - ông S, bà không đồng ý vì đây là tài sản của bà và ông S, không liên quan đến ông C, bà Ch, hơn nữa hiện nay bà đang phải sử dụng số tài sản đó để nuôi dưỡng các con chung ăn học và lo cho cuộc sống hiện tại của bà.

Nguồn gốc hình thành số tài sản chung là:

Đối với lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện Đ (Khu vực chưa có bản đồ địa chính). Hiện trạng đất trồng cà phê kinh doanh có nguồn gốc là ông bà tự khai hoang, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2, hiện trạng trồng lúa nước thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tọa lạc tại Thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc là ông Phừ nhận chuyển nhượng cùng với 07 người khác là các ông Giàng P, Hoàng D, Lý V, Lý S, Lý H, Hầu P, Giàng A với tổng diện tích là khoảng 02 hecta. Trong đó phần diện tích của ông bà được chia như nêu trên, hiện nay các bên vẫn thống nhất, bà đang canh tác, sử dụng ổn định từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay với mục đích trồng lúa nước. Diện tích đất này được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 237321 ngày 23/12/2002 đứng tên ông Nguyễn H.

Đối với lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10,21 tờ bản đồ số 40 xã Rô Men tọa lạc tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng đất trồng cà phê, trong đó diện tích 6.239m^2 thuộc thửa đất số 10 và 162m^2 thuộc thửa đất số 21 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873441, AL 873440 đứng tên hộ ông Lý S cùng ngày 22/5/2008, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lô đất có nguồn gốc là ông bà tự khai hoang.

Bà hoàn toàn thống nhất và đồng ý với kết quả đo vẽ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, kết quả thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá N.

Ngoài ra, bà D xác định ông Giàng L (chồng hiện tại của bà) không liên quan đến tài sản chung của bà và ông S.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Giàng L trình bày thì:

Ông và bà Sùng D chung sống với nhau từ ngày 01/3/2018, đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ, ông không liên quan đến tài sản chung của bà D và ông S. Do đó, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không liên quan cũng không có yêu cầu gì. Do điều kiện nên ông không thể tham gia làm việc tại Tòa án nên ông xin vắng mặt tại các buổi làm việc, họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý P trình bày thì:

Ông và ông Lý S và các ông Giàng P, Hoàng D, Lý S, Lý H, Hầu P, Giàng A có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau,

hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng D trình bày thì:

Ông và ông Lý S và các Giàng P, Lý V, Lý S, Lý H, Hầu P, Giàng A có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau, hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý V trình bày thì:

Ông và ông Lý S và các ông Giàng P, Hoàng D, Lý S, Lý H, Hầu P, Giàng A) có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau, hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý S trình bày thì:

Ông và ông Lý S và các ông Giàng P, Hoàng D, Lý V, Lý H, Hầu P, Giàng A có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau, hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lý H trình bày thì:

Ông và ông Lý S và các Giàng P, Hoàng D, Lý V, Lý S, Hầu P, Giàng A có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau, hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hầu P trình bày thì:

Ông và ông Lý S và Giàng P, Hoàng D, Lý V, Lý S, Lý H, Giàng A có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau, hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Giàng A trình bày thì:

Ông và ông Lý S và Giàng P, Hoàng D, Lý V, Lý S, Lý H, Hầu P có mua của ông Nguyễn H một lô đất ruộng với diện tích khoảng 02 hecta tại Thôn 5, xã R, huyện Đ, hiện trạng đất trồng lúa nước. Sau khi mua các ông đã tự chia phần với nhau, hiện nay không tranh chấp và phần của ông S, bà D ông thống nhất theo kết quả đo vẽ của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ mà Tòa án đã thông báo cho ông.

Ngoài ra, ông không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn H trình bày thì:

Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn H nhiều lần, đã niêm yết giấy triệu tập hợp lệ cho ông H nhưng ông Long không đến làm việc tại Tòa án.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan các cháu Lý P, Lý D, Lý T, Lý V, Lý Th và người giám hộ của các cháu là bà Sùng D(mẹ đẻ) trình bày thì:

Hiện nay các cháu đang ở với mẹ (bà Sùng D). Đối với yêu cầu chia di sản của bố là ông Lý S các cháu muốn nhận phần của mình. Do các cháu chưa đủ 18 tuổi nên sẽ giao phần di sản được nhận cho mẹ đẻ là bà D quản lý.

Ngoài ra, không có yêu cầu hay trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành cũng như tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật Tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xác định di sản ông Lý S để lại gồm có ½ giá trị: 01 lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại xã M, huyện Đ (Khu vực chưa có bản đồ địa chính), 01 lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2 , hiện trạng trồng lúa nước thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tọa lạc tại thôn 2, xã R, huyện Đ, 01 lô đất có diện tích 9.850 m^2 thuộc tờ bản đồ số 40 xã R tọa lạc tại thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đã được cấp Giấy chúng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 6.239m^2 và 162m^2, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chia kỷ phần cho ông C, bà Ch, các cháu P,D,T,V,Th theo quy định. Về án phí: Buộc các đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết hợp lệ; ông Lý P,

ông Hầu P, ông Lý V, ông Hoàng D, ông Lý S, ông Giàng A, ông Giàng L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Các cháu P,D,T,V,Th có người giám hộ (bà D) tham gia phiên tòa. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp***: Nguyên đơn ông Lý C, bà Sùng Ch yêu cầu Tòa án xác định di sản của con trai là Lý S đã chết vào ngày 28/01/2017 trong khối tài sản chung giữa ông Lý S và bà Sùng D bao gồm:

Một lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện Đ, một lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2, thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tọa lạc tại thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, một lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10,21 tờ bản đồ số 40 xã R tọa lạc tại thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, cần căn cứ khoản 5 Điều 26, tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự về việc "*Tranh chấp về di sản thừa kế"*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đam Rông.

[3] ***Về thời hiệu khởi kiện***: Ông Lý C, bà Sùng Ch khởi kiện vào ngày 05/9/2018 yêu cầu chia di sản của ông Lý S chết ngày 28/01/2017 và Tòa án huyện Đ thụ lý vụ án vào ngày 13/12/2018. Theo quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 668, 623 Bộ luật dân sự 2015 vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định.

[4] ***Về hàng thừa kế***: Ông Lý S và bà Sùng D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Các bên đều thừa nhận ông Lý C, bà Sùng Ch là cha đẻ, mẹ đẻ của ông Lý S và trong thời gian chung sống ông S, bà D có với nhau 05 người con chung tên Lý P, Lý D, Lý T, Lý V, Lý Th. Ngoài ra, ông S không có vợ khác, con riêng, không nhận ai làm con nuôi hay bố, mẹ nuôi. Khi chết, ông S không để lại di chúc. Do đó theo điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý S gồm: bà Sùng D, ông Lý C, bà Sùng Ch, cháu Lý P, Lý D, Lý T, Lý V, Lý Th.

[5] ***Về di sản thừa kế***: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả đo vẽ, kết quả thẩm định giá và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã có đủ cơ sở khẳng định sinh thời ông Lý S, bà Sùng d chung sống với nhau và tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Một lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện Đ (Khu vực chưa có bản đồ địa chính). Hiện trạng đất trồng cà phê kinh doanh. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ thì diện tích đất này là thuộc đất nông nghiệp, có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân nhưng hiện nay các hộ dân, cá nhân chưa làm thủ tục kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Một lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2, hiện trạng trồng lúa nước thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tọa lạc tại thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc ông S cùng với các ông Lý P, ông Hầu P, ông Lý V, ông Hoàng D, ông Lý S, ông Lý H, ông Giàng A nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn H vào ngày 29/7/2010 và được Ủy ban nhân dân xã R, huyện Đ xác nhận vào ngày 04/8/2010, diện tích đất 3.116 m^2 thuộc một phần trong diện tích đất mà ông Nguyễn H được Ủy ban nhân dân huyện L

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 237321 ngày 23/12/2002. Hiện nay các bên không tranh chấp, chưa làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Một lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10,21 tờ bản đồ số 40 xã R tọa lạc tại thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng đất trồng cà phê, trong đó diện tích 6.239m^2 thuộc thửa đất số 10 và 162m^2 thuộc thửa đất số 21 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873441, AL 873440 cùng ngày 22/5/2008 đứng tên hộ ông Lý S, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lý C, bà Sùng Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia khối di sản của con trai là Lý S để lại trong tài sản chung của Svà vợ là Sùng D là ½ giá trị bất động sản và tài sản trên đất và chia di sản theo pháp luật cho 08 người bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo chứng thư thẩm định giá với tổng giá trị là: 414.622.000 đồng = (829.244.500đ/2).

Ông Lý S chết, không để lại di chúc, do đó cần xác định khối di sản của ông S trong khối tài sản thuộc sở hữu chung với bà Sùng D được chia theo pháp luật. Xét thấy, di sản của ông S trong khối tài sản thuộc sở hữu chung với bà D nằm ở các vị trí khác nhau, không xác định được phần tài sản của bà D và phần di sản của ông S và nguyên đơn yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản nằm trên đất.

Đối với các diện tích đất này hiện nay bà D đang trực tiếp quản lý, canh tác và có nhu cầu tiếp tục sử dụng nên cần giao toàn bộ diện tích đất cho bà D quản lý, sử dụng. Gồm:

Một lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện Đ (Khu vực chưa có bản đồ địa chính). Hiện trạng đất trồng cà phê kinh doanh, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Một lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2, hiện trạng trồng lúa nước thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tọa lạc tại thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 237321 ngày 23/12/2002 cho ông Nguyễn H chưa sang tên cho người nhận chuyển nhượng, sử dụng (bà D).

Một lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10,21 tờ bản đồ số 40 xã R tọa lạc tại thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng đất trồng cà phê, trong đó diện tích 6.239m^2 thuộc thửa đất số 10 và 162m^2 thuộc thửa đất số 21 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873441, AL 873440 cùng ngày 22/5/2008 đứng tên ông Lý S, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, trên đất còn có một căn nhà tạm bằng gỗ, mái lợp tôn, nền đất với diện tích 87m^2.

Tổng giá trị di sản ông Lý S để lại đã được thẩm định, định giá theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đang sử dụng ổn định và giao lại cho bà Sùng D là: **414.622.000** đồng.

Như vậy, kỷ phần một người được hưởng là: **414.622.000đ/8 = 51.828.000 đồng**.

Buộc bà Sùng D có trách nhiệm thanh toán lại cho các đồng thừa kế hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý S gồm: ông Lý C, bà Sùng Ch, cháu Lý P, cháu Lý D, cháu Lý T, cháu Lý V, cháu Lý Th mỗi người một kỷ phần được hưởng là: 51.828.000 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay các cháu P,D,T,V,Th chưa đủ 18 tuổi và bà Sùng D là người giám hộ, đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu và bà Dcó đơn yêu cầu độc lập nên cần tạm giao phần di sản thừa kế mà các cháu P,D,T,V,Th được hưởng cho bà D quản lý cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trong trường hợp sau này các bên tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Bà Sùng D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật.

[6] ***Về chi phí tố tụng***: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí xác minh, chi phí đo vẽ, chi phí thẩm định giá tài sản tranh chấp với tổng số tiền 27.457.000 đồng (Mười bảy triệu đồng) do nguyên đơn nộp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án và Tòa án Đam Rông đã thanh quyết toán xong. Do mỗi người được chia kỷ phần nên cần buộc các bên phải chịu chi phí tố tụng tương ứng. Nguyên đơn ông Lý C, bà Sùng Ch phải chịu 6.863.000 đồng (3.432.000đ x 2) chi phí tố tụng, Tòa án đã thanh quyết toán xong, bị đơn bà Sùng D phải trả cho ông C, bà Ch 20.594.000 đồng (3.432.000đ x 6) đồng chi phí tố tụng (bao gồm phần nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng của các cháu P,D,T,V,Th)

[7] *Về án phí:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần di sản được phân chia.

Tuy nhiên, nguyên đơn ông Lý C sinh năm 1958, bà Sùng Ch sinh năm 1959 đều đã từ 60 tuổi trở lên thuộc đối tượng là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, tại phiên tòa nguyên đơn xin miễn án phí.

Bà Sùng D thuộc hộ nghèo, dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị đơn xin miễn án phí.

Do đó, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn, bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 34; Điều 147; các Điều 165, 203, 220, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự, áp dụng các Điều 649, 650, 651 và khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. ***Xử***:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý C, bà Sùng Ch, chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Sùng D.

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý S gồm: Bà Sùng S, ông Lý C, bà Sùng Ch, cháu Lý Ph, Lý D, Lý T, Lý V và Lý Th.

2. Xác định di sản thừa kế của ông Lý S để lại trong khối tài sản thuộc sở hữu chung với bà Sùng D là ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bao gồm: lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện Đ; lô đất ruộng có diện

tích 3.116 m^2, thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tại thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 237321 ngày 23/12/2002 mang tên ông Nguyễn H; lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10, 21 tờ bản đồ số 40 xã R tại thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng đất trồng cà phê, trong đó diện tích 6.239m^2 thuộc thửa đất số 10 và 162m^2 thuộc thửa đất số 21 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873441, AL 873440 cùng ngày 22/5/2008 đứng tên hộ ông Lý S, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất còn có một căn nhà tạm bằng gỗ, mái lợp tôn, nền đất với diện tích 87m^2.

Tổng giá trị di sản là: **414.622.000** đồng.

3. Bà Sùng D được chia và sử dụng toàn bộ diện tích đất gồm: lô đất có diện tích 6.133 m^2 trồng cà phê tọa lạc tại thôn X, xã M, huyện Đ; lô đất ruộng có diện tích 3.116 m^2, thuộc một phần thửa 119 tờ bản đồ số 27, xã R tại thôn 2, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 237321 ngày 23/12/2002 mang tên ông Nguyễn H; lô đất có tổng diện tích 9.850 m^2 thuộc các thửa đất số 3,6,7,10, 21 tờ bản đồ số 40 xã R tại thôn 5, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện trạng đất trồng cà phê, trong đó diện tích 6.239m^2 thuộc thửa đất số 10 và 162m^2 thuộc thửa đất số 21 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 873441, AL 873440 cùng ngày 22/5/2008 cho hộ ông Lý S, số diện tích đất còn lại 3.449 m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất còn có một căn nhà kho tạm bằng gỗ, mái lợp tôn, nền đất với diện tích 87m^2*(có các họa đồ trích đo địa chính ngày 05/4/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ kèm theo bản án)*.

Bà Sùng D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bà Sùng D phải thanh toán cho ông Lý C, bà Sùng Ch, cháu Lý p, Lý D, Lý T, Lý Vvà Lý Th mỗi người với số tiền là: **51.828.000 đồng**.

Tạm giao phần di sản thừa kế mà các cháu P,D,T,V,Th được hưởng cho bà Sùng D quản lý cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trong trường hợp sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Lý C, bà Sùng Ch phải chịu 6.863.000 đồng, Tòa án đã thanh quyết toán xong, bị đơn bà Sùng D phải trả cho ông C, bà Ch 20.594.000 đồng chi phí tố tụng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Sùng D. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lý C, bà Sùng Ch. Hoàn trả cho ông Lý C, bà Sùng Ch 9.000.000 đồng tạm ứng

án phí mà ông C, bà Ch đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0003688 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***

Cil Pam Ha Lan **Âu Văn Nghị** **Đỗ Thị Thúy Phượng**